

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/KDTM-PT
Ngày: 08 - 02 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng góp
vốn; rút vốn; hủy hợp đồng
chuyển nhượng QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Lê Thúy Phượng;
Ông Phạm Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà T.T.B - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông N.Đ.N
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 01 và ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K, xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 07/2022/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp vốn, rút vốn và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 81/2022/QĐPT-KDTM ngày 23 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh K. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần T, địa chỉ: 13 Lê Chân, phường T, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần T: Luật sư C.N.Y - Công ty Luật TNHH N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Hợp tác xã cơ khí S.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Bá D; địa chỉ: 255 (số cũ 135) đường 23/10 phường S, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hợp tác xã cơ khí S:

+ Luật sư L.V.T - Văn phòng Luật sư P.T.H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

2. Ông Phạm Bá D và bà Trần Thị T1; cùng địa chỉ: 255 (số cũ 135) đường 23/10 phường S, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Minh H; địa chỉ: Căn hộ số 245 CT6, Vĩnh Diêm Trung, xã V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị Cẩm T2; địa chỉ: 255 (số cũ 135) đường 23/10, phường S, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Trí D; địa chỉ: Nhà số 21, Thuận Thái 1, xã Nhơn An, thị xã A, tỉnh B. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Kim A địa chỉ: 307 Trường Chinh, phường 7 thành phố H, tỉnh P. Vắng mặt.

5. Ông Trịnh Trung T3; địa chỉ: 1286 Lê Hồng Phong, phường L, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

6. Bà Huỳnh Nguyễn Anh T4; địa chỉ: 125 Hồng Bàng, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

7. Ông Nguyễn N; địa chỉ: 255 (số cũ 135) đường 23/10, phường S, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị Phương T5; địa chỉ: 24A Lê Chân, phường T, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Thanh P; địa chỉ: Số 1A/2 Đặng Tất, phường Z, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

10. Bà Võ Thị Thu H1; địa chỉ: Số 14, Đặng Tất, phường Z, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

11. Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh K; địa chỉ: Số 13 Hoàng Hoa Thám, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.

* *Người kháng cáo:* Ông Trần T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, nội dung vụ án như sau:

* *Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần T trình bày:*

Căn cứ vào tình hình hoạt động của Hợp tác xã cơ khí S (do ông Phạm Bá D làm chủ nhiệm), do cần vốn để mở rộng ngành nghề sản xuất và gia công cơ khí, cán kéo thép lập la, sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy; xây dựng, thi công các công trình dân dụng; mua bán phế liệu và máy móc đã qua sử dụng; rửa và giữ xe ô tô; trồng hoa, cây cảnh, nên Hợp tác xã Cơ khí S đã huy động vốn, vì vậy, ông đã nhiều lần góp vốn vào Hợp tác xã cơ khí S, cụ thể như sau:

- Ngày 09/12/2005, góp vốn bằng tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 06/11/2006, góp vốn bằng tiền: 400.000.000 đồng.
- Ngày 17/3/2007, góp vốn bằng tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 27/02/2008, góp vốn bằng tiền: 250.000.000 đồng.

- Ngày 11/4/2008, góp vốn bằng tiền: 500.000.000 đồng.
- Ngày 02/8/2008, góp vốn bằng tiền: 250.000.000 đồng.
- Ngày 14/9/2008, góp vốn bằng tiền: 500.000.000 đồng.
- Ngày 06/11/2008, góp vốn bằng tiền: 300.000.000 đồng.
- Ngày 15/12/2008, góp vốn bằng tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 22/12/2008, góp vốn bằng tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 26/02/2009, góp vốn bằng tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 16/6/2009, góp vốn bằng tiền: 1.000.000.000 đồng.
- Ngày 26/8/2010, góp vốn bằng tiền: 400.000.000 đồng.

Tổng số tiền mà ông đã góp vào Hợp tác xã cơ khí S là 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng).

Từ khi góp vốn đến thời điểm khởi kiện, ông chưa nhận được tiền lãi từ việc góp vốn và cũng chưa thu hồi được số vốn góp. Ông Phạm Bá D với tư cách là Chủ nhiệm hợp tác xã nhiều lần nói với ông là cố vực cho Hợp tác xã phát triển, sản xuất sinh lãi, từ đó có điều kiện để trả vốn dần dần cho người góp vốn như ông. Vì tin là như vậy nên ông mới nhiều lần góp vốn vào hợp tác xã như đã nêu trên và luôn mong muốn hợp tác làm ăn có lãi để có thể rút vốn từ từ. Tuy nhiên, việc tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất của Hợp tác xã mà người chịu trách nhiệm là Chủ nhiệm hợp tác xã - ông Phạm Bá D đã không đạt hiệu quả.

Mặc dù đã nhiều lần ông đề nghị ông Phạm Bá D triệu tập Ban quản trị hợp tác xã họp bàn cách giải quyết do tình hình sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã không mang lại hiệu quả (vì không thấy hợp tác xã hoạt động) hoặc nếu không còn hoạt động thì tiến hành giải thể, trả lại vốn góp cho những người đã góp vốn vào hợp tác xã. Thế nhưng, Chủ nhiệm hợp tác xã ông Phạm Bá D vẫn phớt lờ không giải quyết việc trả lại vốn góp cho ông. Trong khi đó ông D - với tư cách là Chủ nhiệm Hợp tác xã cơ khí S vẫn cùng với vợ, con trong gia đình độc quyền sử dụng nguồn tài sản hợp pháp của Hợp tác xã cơ khí S để sinh lãi, phục vụ cho cuộc sống riêng gia đình của ông D, không quan tâm đến quyền lợi của ông - người trực tiếp góp vốn cho Hợp tác xã.

Do quyền lợi chính đáng bị xâm phạm nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N căn cứ vào Luật Hợp tác xã giải quyết buộc Hợp tác xã cơ khí S phải trả lại cho ông số tiền đã góp vốn vào Hợp tác xã tổng cộng 4.600.000.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm triệu đồng).

Ngày 25/02/2019, ông Trần T có đơn khởi kiện bổ sung, nội dung như sau:

- Yêu cầu ông Phạm Bá D cũng như Hợp tác xã cơ khí S phải công nhận tư cách thành viên Hợp tác xã của ông, tương ứng với toàn bộ phần vốn góp mà ông đã nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Bá D là 700.000.000 đồng. Ông Phạm Bá D chỉ còn sở hữu phần vốn góp là 668.113.800 đồng tương ứng với 9,77% vốn góp.

- Yêu cầu bà Trần Thị T1 cũng như Hợp tác xã cơ khí S phải công nhận tư cách thành viên Hợp tác xã của ông tương ứng với toàn bộ phần vốn góp mà ông đã nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị T1 là 1.368.113.800 đồng và phải hoàn trả lại cho ông số tiền 3.700.000.000 đồng - 1.368.113.800 đồng = 2.331.886.200 đồng. Bà T1 không còn là thành viên của hợp tác xã Cơ khí S vì đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp cho ông.

- Trong trường hợp không thể thực hiện hai yêu cầu nêu trên thì ông yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố N buộc ông Phạm Bá D hoàn trả số tiền 700.000.000 đồng đã nhận của ông và bà Trần Thị T1 hoàn trả số tiền 3.700.000.000 đồng vì vi phạm Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.

Tiếp đó, ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Trần T đối với các nội dung:

- Yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã cơ khí S (do ông Phạm Bá D làm đại diện) với ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 5, diện tích 1362,5m², địa chỉ tại 135 đường 23/10, phường S, thành phố N, tỉnh K. Đồng thời kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH: 01500 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1.

Tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/5/2022 ông Trần T xác định lại các yêu cầu khởi kiện cụ thể của mình như sau:

Một là, ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện buộc Hợp tác xã cơ khí S trả lại cho ông phần vốn góp 4.600.000.000 đồng, tương ứng với 2281m² đất của Hợp tác xã cơ khí S đang sử dụng (ông nhận bằng hiện vật).

Hai là, đề nghị Tòa án tuyên hợp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 5, diện tích 1362,5m², địa chỉ tại 135 đường 23/10, phường S, thành phố N, tỉnh K vô hiệu.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn. Trong trường hợp tòa án không chấp nhận phần vốn góp vượt quá quy định của pháp luật, là số tiền 3.231.886.200 đồng, thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn Hợp tác xã cơ khí S phải trả lại số tiền này và trả lãi trên số tiền này từ ngày Điều lệ của Hợp tác xã cơ khí S có hiệu lực cho đến ngày tòa án tuyên án, theo mức lãi suất 09%/năm. Nguyên đơn ông Trần T cũng đồng ý với phần trình bày của người người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình và không có ý kiến gì khác.

** Bị đơn Hợp tác xã cơ khí S do ông Phạm Bá D là đại diện theo pháp luật trình bày trong các văn bản gửi tòa án:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần T, Hợp tác xã có ý kiến như sau:

Thứ nhất, ông T cho rằng Hợp tác xã cần vốn là không đúng mà là do ông T có đơn xin vào Hợp tác xã. Mà đã là thành viên của Hợp tác xã thì quyền lợi và nghĩa vụ là như nhau, mọi quyết định về sản xuất kinh doanh (cả về lãi) đều được tập thể thông qua.

Thứ hai, theo điểm 2 của Hợp đồng góp vốn do chính ông Trần T cung cấp thì Vốn góp của ông Trần T được tăng khi sản xuất kinh doanh của Hợp tác xã có hiệu quả, và cũng chịu về các khoản nợ, các khoản lỗ khi Hợp tác xã làm ăn thua lỗ. Như vậy, khi Hợp tác xã làm ăn thua lỗ hoặc gặp rủi ro, ông không cùng chịu trách nhiệm như thành viên Hợp tác xã. Nay ông T đòi 4.600.000.000 đồng là không có căn cứ.

Thứ ba, về điều kiện rút vốn, tại điểm 3 của các Hợp đồng góp vốn đều thể hiện sau thời hạn mà ông Trần T có nhu cầu rút vốn thì Hợp tác xã có trách nhiệm hoàn trả ... khi giá trị tài sản Hợp tác xã tăng. Như vậy, sau thời hạn trên, ông Trần T không rút vốn mà tiếp tục góp vốn thì lợi ích của ông T phải là như thế nào. Do đó, việc ông Trần T khởi kiện đòi số tiền 4.600.000.000 đồng là hoàn toàn phi lý.

Thứ tư, theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ Hợp tác xã được Đại hội thành viên thông qua trong đó có ông T vào năm 2015 thì thành viên chỉ được rút vốn góp và hưởng quyền lợi (nếu có) từ Hợp tác xã sau khi thực hiện xong các nghĩa vụ đối với Hợp tác xã. Như vậy, ông T chỉ biết quyền lợi mà không cần có trách nhiệm là không đúng.

Thứ năm, ông Trần T chưa hề có bất kỳ văn bản nào gửi Hợp tác xã để yêu cầu trả lại phần góp vốn, kể cả các lần Đại hội xã viên của Hợp tác xã nên việc khởi kiện ra Tòa án là không đúng với Luật hợp tác xã và Điều lệ của Hợp tác xã.

Thứ sáu, về việc ông T yêu cầu tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã với ông P, bà H1 vì vô hiệu là không có căn cứ, vì ông T là người đã ký tên vào biên bản họp của Hợp tác xã về việc bán tài sản của Hợp tác xã.

Do đó, Hợp tác xã đề nghị Tòa án trả đơn khởi kiện của ông T, để Hợp tác xã tiến hành Đại hội đột xuất giải quyết vấn đề rút vốn của ông T. Trường hợp, ông T không đồng ý thì mới có quyền khởi kiện ra Tòa án. Hợp tác xã cơ khí S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Luật sư C.H.T, Luật sư T.K.N vắng mặt nhưng có gửi bản luận có bảo vệ quyền lợi cho hợp tác xã, trong đó thể hiện quan điểm không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu Tòa án hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời; đề nghị Tòa án yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 17/02/2020 của ông Trần T về việc «hủy hợp đồng dân sự chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 30» và chuyển cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết yêu cầu này theo đúng thẩm quyền luật định.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Hợp tác xã cơ khí S, Luật sư H.T.Q trình bày với quan điểm: Đề nghị Tòa án đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì chưa đủ điều kiện khởi kiện; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1; đề nghị Tòa án tuyên hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng đối với Hợp tác xã cơ khí S.

** Bị đơn bà Trần Thị T1: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vì lý do tuổi đã cao, sức khỏe yếu nên đề nghị được xét xử vắng mặt. Bà T1 ủy quyền cho ông Phạm Bá D. Ông D vắng mặt tại phiên tòa.*

** Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Minh H, bà Phạm Thị Cẩm T2; ông Nguyễn Trí D; Ông Nguyễn Kim A; ông Trịnh Trung T3; bà Huỳnh Nguyễn Anh T4, ông Nguyễn N, bà Phạm Thị Phương T5 (là các xã*

viên Hợp tác xã cơ khí S): Đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Không có ý kiến gì đối với việc giải quyết vụ án. Vì lý do bận công việc nên đề nghị Tòa án tiến hành các phiên họp hòa giải cũng như xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh P và bà Nguyễn Thị Thu H1 (bà H1 ủy quyền cho ông P) trình bày:*

Ông và bà Võ Thị Thu H1 có ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Hợp tác xã cơ khí S. Ngày 27/01/2018 Ủy ban nhân dân thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 326399 và số CM 326400, số vào sổ CH0150 mang tên ông là Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1 cho thửa đất số 30, tờ bản đồ số 5, địa chỉ thửa đất số 135 đường 23/10, phường S, thành phố N.

Ngày 05/12/2019 Ủy ban nhân dân thành phố N đã có Thông báo kết luận số 1916/TB-UBND về việc trả lời đơn của ông Trần T về việc ông T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 326399 và số CM 326400, số vào sổ CH0150 đã cấp cho ông và bà H1 là không có phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngày 30/6/2020 bà Võ Thị Thu H1 đã chuyển nhượng phần quyền sử dụng đất của bà H1 trong sổ đất cùng với ông P cho ông P. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà H1 sang cho ông, thì ông nộp hồ sơ lên cơ quan nhà nước để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông, thì ngày 14/7/2020, cơ quan có thẩm quyền từ chối làm hồ sơ ông vì lý do thửa đất này đang bị Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý tranh chấp về về hợp đồng giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Trần T.

Việc tranh chấp giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Trần T không liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà Võ Thị Thu H1, vì ông đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đúng quy định và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận.

Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu của ông Trần T về việc yêu cầu Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được thực hiện giữa ông, bà H1 với Hợp tác xã cơ khí S. Đối với việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và bà H1 ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1 đã có đơn xin vắng mặt trong quá trình tòa án giải quyết vụ án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng số 01 tỉnh K:*

Bà L.L.H đại diện Phòng công chứng số 01 tỉnh K trình bày trong văn bản gửi Tòa án. Phòng công chứng vì nhiều công việc không thể tham gia phiên tòa, vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố N xét xử vắng mặt.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

- Căn cứ Điều 17, Điều 31, 33, Điều 51 Luật Hợp tác xã 2012;
- Căn cứ Điều 10 Điều lệ Hợp tác xã cơ khí S;
- Căn cứ Điều 117, 123, 131, 351, 357, 468 BLDS 2015; khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ Điều điểm g khoản 1 Điều 217; 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn là Hợp tác xã Cơ khí S phải trả cho nguyên đơn ông Trần T số tiền gốc 3.231.886.200 đồng (Ba tỷ hai trăm ba mươi một triệu, tám trăm tám mươi sáu ngàn, hai trăm đồng) và số tiền lãi: 2.193.875.188 đồng (Hai tỷ một trăm chín mươi ba triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm tám mươi tám đồng). Tổng cộng cả tiền gốc và lãi là 5.425.761.388 đồng (Năm tỷ bốn trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn ba trăm tám mươi tám đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu tuyên Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.362.5m², địa chỉ thửa đất số 135 đường 23/10, phường S, thành phố N, đã được công chứng ngày 15/01/2018 tại Phòng công chứng số 01 tỉnh K vô hiệu.

3. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc rút số vốn góp vào Hợp tác xã cơ khí S với số tiền 1.368.113.800 đồng (Một tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu một trăm mười ba nghìn tám trăm đồng) tương đương 20% tổng số vốn điều lệ của Hợp tác xã cơ khí S, do chưa đủ điều kiện khởi kiện. Nguyên đơn ông Trần T có quyền khởi kiện lại yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

4. Tiếp tục giữ nguyên quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố N.

5. Đình chỉ các yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thụ lý theo Thông báo thụ lý vụ án bổ sung lần 02, số 28C/TB-TLVA ngày 25 tháng 02 năm 2019 do nguyên đơn rút yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quy định thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/8/2022, ông Trần T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, cụ thể: Không đồng ý Tòa án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận phần vốn góp của ông vào Hợp tác xã cơ khí S là 20% vốn điều lệ và việc chấp nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Nguyễn Thanh P và bà Võ Thị Thu H1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Trần T giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông và khẳng định hiện nay ông vẫn là thành viên Hợp tác xã cơ khí S, ngoài ông ra, không ai trong danh sách thành viên Hợp tác xã đóng vốn điều lệ, ông D cũng đã bán toàn bộ vốn điều lệ là

thiết bị, máy móc mà ông đã góp vốn. Vốn góp hiện nay tại Hợp tác xã cơ khí S là của ông nên ông là thành viên Hợp tác xã; ông không nhận được văn bản về việc khai trừ tư cách xã viên - thành viên Hợp tác xã cơ khí S đối với ông.

- Luật sư C.N.Y đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thiều.

- Luật sư L.V.T trình bày: Ông Phạm Bá D vì lý do khách quan không có mặt và có nói với ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông D. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần T, hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết vụ án vì ông T chưa thực hiện việc khiếu nại theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Hợp tác xã cơ khí S.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt nhưng được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Hợp tác xã cơ khí S được thành lập lại và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3707A00005 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp ngày 05/8/2008. Điều lệ hiện hành của Hợp tác xã được thông qua theo Nghị quyết Đại hội thành viên ngày 19/01/2015. Theo danh sách thành viên Hợp tác xã cơ khí S, Hợp tác xã có 11 xã viên, trong đó có ông Trần T. Ông Phạm Bá D là Giám đốc - đại diện pháp nhân. Tại thời điểm khởi kiện và ngày Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm về việc yêu cầu rút vốn góp ra khỏi Hợp tác xã cơ khí S, ông Trần T là xã viên Hợp tác xã. Ngày 16/8/2018, Đại hội bất thường thành viên Hợp tác xã cơ khí S quyết nghị khai trừ tư cách xã viên - thành viên Hợp tác xã cơ khí S, vì lý do ông Trần T đã có những việc làm không phù hợp với tư cách là xã viên của Hợp tác xã.

Ông Trần T khởi kiện nhiều nội dung, trong đó có nội dung khởi kiện đối với Hợp tác xã cơ khí S, yêu cầu được rút số vốn đã góp vào Hợp tác xã. Ngoài

tranh chấp với Hợp tác xã, ông Trần T còn tranh chấp với 02 thành viên Hợp tác xã là ông Phạm Bá D và bà Trần Thị T1. Nội dung tranh chấp yêu cầu ông Phạm Bá D, bà Trần Thị T1 cũng như Hợp tác xã cơ khí S phải công nhận tư cách thành viên Hợp tác xã của ông Trần T tương ứng với toàn bộ phần vốn góp mà ông Trần T đã nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Bá D, bà Trần Thị T1.

Tại phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/5/2022, ông Trần T xác định lại các yêu cầu khởi kiện cụ thể là: Yêu cầu Hợp tác xã cơ khí S trả lại cho ông phần vốn góp 4.600.000.000 đồng - tương ứng với 2.281m² đất của Hợp tác xã cơ khí S đang sử dụng (ông nhận bằng hiện vật) và tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Hợp tác xã cơ khí S với ông Nguyễn Thanh P, bà Võ Thị Thu H1 đối với thửa đất số 30, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.362,5m², địa chỉ tại 135 đường 23/10, phường S, thành phố N, tỉnh K vô hiệu. Như vậy, các tranh chấp trong vụ án là tranh chấp giữa xã viên với Hợp tác xã về phần vốn góp và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của Hợp tác xã.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Luật Hợp tác xã năm 2012: “... *Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã*”. Như vậy, các tranh chấp giữa xã viên với xã viên, giữa xã viên với Hợp tác xã, trong quá trình thành lập, hoạt động, giải thể Hợp tác xã là các tranh chấp khác về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 5 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với các tranh chấp khác về kinh doanh thương mại thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân thành phố N thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là không đúng thẩm quyền. Vì vậy, hủy bản Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo thẩm quyền.

Do hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét kháng cáo của ông Trần T. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2019/QĐ-BPKCTT ngày 01/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố N và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh K;
- TAND Tp. N;
- VKSND Tp. N;
- Chi cục THADS Tp. N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

NGUYỄN HỒNG TUẤN